

Số: 981/BC-VHTC

Hạ Long, ngày 08 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN**  
**Năm báo cáo: 2023**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Ha Tu Coal Joint Stock Company.
- + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.
- + Tên tiếng Anh: Vinacomin - Ha Tu Coal Joint Stock Company.
- + Tên viết tắt: VHTC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101323, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/01/2020 tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ: 245.690.520.000 VNĐ (*bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 245.690.520.000 VNĐ (*bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Địa chỉ: Tổ 6 Khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Số điện thoại: (0203).3835169;
- Fax: (0203).3836120;
- Email: [thanhatu@hatucoal.vn](mailto:thanhatu@hatucoal.vn);
- Website: [www.hatucoal.vn](http://www.hatucoal.vn);
- Mã cổ phiếu: **THT**.

**Quá trình hình thành và phát triển:**

Mỏ than Hà Tu được thành lập theo Quyết định số 707-BCN/KB2 ngày 23/07/1960 do bộ trưởng Bộ Công nghiệp Lê Thanh Nghị ký. Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam ban hành quyết định số 405/QĐ-HĐQT đổi tên Mỏ Than Hà Tu thành Công ty Than Hà Tu.

Năm 2006 Công ty thực hiện cổ phần hoá và chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần than Hà Tu theo Quyết số 2062/QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (*nay là Bộ Công Thương*) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Than Hà Tu thành Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101323 ngày 25 tháng 12 năm 2006 với mức vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng (*Chín mươi một tỷ đồng*).

Ngày 01 tháng 01 năm 2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

Ngày 24/10/2008 Công ty chính thức được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

Ngày 08/9/2010 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

Ngày 02/4/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 91 tỷ đồng lên 136,5 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/7/2012 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 4.549.738 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 13.649.738 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá) là 136.479.380.000 đồng.

Ngày 25/4/2016 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 136,5 tỷ đồng lên 245,7 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/8/2016 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 10.919.314 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 24.569.052 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá) là 245.690.520.000 đồng.

Ngày 12/4/2019 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã nâng sở hữu tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin lên 15.969.884 cổ phần bằng 65% vốn điều lệ của Công ty.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (Chính)
02	Khai thác và thu gom than non	0520
03	Khai thác và thu gom than bùn	0892
04	Khai thác quặng và các kim loại không chứa sắt.	0722
05	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
06	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
07	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
08	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá	5210
09	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
11	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
12	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
13	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
18	Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ	02102
19	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
21	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
22	Hoạt động các cơ sở thể thao	9311
23	Truyền tải và phân phối điện - Phân phối điện	3512

- Địa bàn kinh doanh: Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị:** Theo khoản a- Điều 137 Luật Doanh nghiệp

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó 04 thành viên không tham gia điều hành.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 05 thành viên. Trong đó gồm có 01 Giám đốc Công ty điều hành chung; 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất; 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật - Môi trường và dự án; 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải và 01 Kế toán trưởng.

+ Các Công trường, Phân xưởng, Phòng ban:

- **Cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại:**

01- Văn phòng

02- Phòng Tổ chức nhân sự

03- Phòng Thanh tra, Pháp chế, kiểm toán nội bộ & Bảo vệ Quân sự

04- Phòng Kế hoạch & Quản trị chi phí

05- Phòng Vật Tư

06- Phòng Kế toán, Thống kê, Tài chính

07- Phòng Cơ điện vận tải

08- Phòng Kỹ thuật-AT BHLĐ

09- Phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ

10- Phòng Đầu tư & Môi trường

11- Phòng Trắc địa - Địa chất

12- Phòng KCS

13- Phòng Điều khiển sản xuất

- **Các Công trường, Phân xưởng hiện tại:**

01- Công trường Khai thác 1

02- Công trường Khai thác 2

03- Công trường Khoan

04- Công trường Than

05- Công trường Bơm nước và làm đường

06- Phân xưởng Dịch vụ tổng hợp

07- Phân xưởng sửa chữa Ôtô

08- Phân xưởng Cơ điện

09- Phân xưởng Xe 1

10- Phân xưởng Xe 2

11- Phân xưởng Xe 7

### **4. Định hướng phát triển**

Xây dựng công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin trở thành một trong các doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hoá cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; giữ vai trò trong việc đảm bảo cung ứng sản phẩm than cho TKV; xây dựng mối quan hệ hài hoà trong Công ty, vừa đảm bảo lợi ích của TKV và của Công ty, đảm bảo lợi ích của người lao động trong Công ty.

#### **5. Các rủi ro :**

- Rủi ro trong công tác an toàn, tai nạn lao động và sự cố thiết bị

- Rủi ro trong công tác kế toán tài chính, chính sách thuế

- Rủi ro trong công tác Đền bù, Giải phóng mặt bằng phục vụ mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về điều kiện địa chất biến động dẫn đến phải thay đổi phương hướng khai thác than của Công ty;

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2023**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Kết quả SXKD năm 2023 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)
1	Đất bóc tổng số	1.000 m3	44.900	44.952	100,1
2	Than nguyên khai sản xuất	1.000 tấn	2.550	2.550	100,0
3	Than tiêu thụ	1.000tấn	2.684	2.786	103,8
4	Doanh thu tổng số	Tr.đ	4.448.071	4.344.213	97,7
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	77.879	90.174	115,8
6	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	554	518	93,6
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng-th	10.189	15.114	148,3
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥10	10	100

## 2. Tổ chức và nhân sự

**2.1. Danh sách Ban giám đốc điều hành:** (Chi tiết như phụ lục số 01 kèm theo).

**2.2. Những thay đổi trong Ban lãnh đạo điều hành:**

- Trong năm 2023 có 02 đ/c Phó giám đốc được bổ nhiệm lại là đ/c Nguyễn Quang Quảng và đ/c Trần Quốc Toàn

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2023 là 1.870 người trong đó nữ 536 người chiếm tỷ lệ 28,66%. Lao động công nghệ 1.007 người chiếm tỷ lệ 53,85% Lao động phục vụ 638 người chiếm tỷ lệ 34,12%; lao động gián tiếp 220 người chiếm tỷ lệ 11,76%; Người quản lý doanh nghiệp 05 người chiếm tỷ lệ 0,27%.

- Về chất lượng lao động:

- + Thạc sỹ: 10 người chiếm tỷ lệ 0,53% tổng số lao động;
- + Đại học: 374 người chiếm tỷ lệ 20% tổng số lao động;
- + Cao đẳng: 57 người chiếm tỷ lệ 3,05% tổng số lao động;
- + Công nhân kỹ thuật: 1.348 người chiếm tỷ lệ 72,09% tổng số lao động;
- + Lao động thủ công: 81 người chiếm tỷ lệ 4,33% tổng số lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Công tác đầu tư: Năm 2023, giá trị thực hiện đầu tư đạt 518.612/428.469 triệu đồng, bằng 121,04 % Kế hoạch năm 2023. Trong đó, Công ty đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng 02 dây chuyền thiết bị công suất lớn trong tháng 12/2023 góp phần tăng năng lực thiết bị tự làm.

- Đối với Dự án Bắc Bàng Danh: Trên cơ sở kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khai thác dự án Bắc Bàng Danh tại Quyết định số 1264/QĐ-HĐTLQG ngày 25/5/2023 từ cấp 333 lên cấp 122 trong giới hạn giấy phép khai thác 2575/GP-BTNMT là 8.568 ngàn tấn (trong đó: trong ranh giới khai thác dự án Bắc Bàng Danh là 3.404 ngàn tấn và ngoài ranh giới dự án Bắc Bàng Danh là 5.162 ngàn tấn). Công ty đã trình TKV xem xét thông qua chủ trương điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh. Đến ngày 19/02/2024, TKV đã có Công văn số 875/TKV-ĐT thông qua việc bổ sung chi phí tư vấn và chủ trương điều chỉnh dự án khai thác lộ thiên Bắc Bàng Danh. Hiện nay, Công ty đang xây dựng đề cương dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện các phần việc tư vấn điều chỉnh dự án theo quy định.

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	1,570,890,440,557	1,611,870,551,008	2.61
2	Doanh thu thuần	Đồng	4,540,017,540,852	4,344,213,085,100	-4.31
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	Đồng	86,210,250,050	86,265,931,644	0.06
4	Lợi nhuận khác	Đồng	339,150,620	3,907,957,010	1,052
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	86,549,400,670	90,173,888,654	4.19
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	68,567,308,884	71,355,230,626	4.07
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	7.0	10.0	42.86
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2,791	2,904	4.05

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.82	0.73
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.45	0.31
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0.75	0.74
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3.55	3.09
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	12.24	11.13
	+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	2.89	2.70
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	Lần	0.02	0.02
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ	Lần	0.24	0.25
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	Lần	0.042	0.044
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	Lần	0.019	0.020

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 24.569.052 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 18/3/2024:

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 23.713.732 cổ phần chiếm 96,52%; Với:
- + Cổ đông tổ chức sở hữu 15.990.787 cổ phần chiếm 65,09%;
- + Cổ đông cá nhân sở hữu 7.722.943 cổ phần chiếm 31,43%.
- Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 855.320 cổ phần chiếm 3,48%; Với:
- + Cổ đông tổ chức sở hữu 719.810 cổ phần chiếm 2,93%;
- + Cổ đông cá nhân sở hữu 135.510 cổ phần chiếm 0,55%.
- Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 15.969.884 cổ phần chiếm 65,00%;

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (không thay đổi)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có;

e. Các chứng khoán khác: Không có.

#### 4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

##### 4.1 Tác động lên môi trường:

Nước thải phát sinh trung bình 23.082 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nguồn phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước ngầm được tập trung tại moong khai thác. Nước thải

tập trung được thu hồi về 02 trạm xử lý nước thải của Công ty để xử lý (công suất 36.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) sau đó được sử dụng lại để phục vụ sản xuất, lượng nước thải đã qua xử lý Công ty không tận dụng hết thì được xả ra suối Lộ phong theo đúng nội dung Giấy phép đã được Bộ TNMT phê duyệt. Nước thải sau khi xử lý xong đạt QCVN 40:2011/BTNMT.

Nguồn phát sinh khí thải: chủ yếu từ các phương tiện khoan, nổ, bốc xúc vận tải và các thiết bị san gạt hoạt động trên khai trường. Để đảm bảo chất lượng không khí Công ty tập trung đầu tư mua sắm các thiết bị mới hiện đại, đưa thiết bị cũ vào trung, đại tu đúng kỳ, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên. Theo kết quả quan trắc định kỳ chất lượng môi trường không khí: Nồng độ khí thải (SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO) tại các vị trí có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép.

Trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh Công ty thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 04 quý/năm nhằm đánh giá và đưa ra các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường một cách kịp thời. Căn cứ kết quả quan trắc định kỳ thì các chỉ tiêu về đất, nước thải, không khí tại các vị trí trong Công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

#### 4.2 Quản lý nguồn tài nguyên, nguyên vật liệu:

Hiện tại Công ty đang hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác số 2575/GP-BTNMT được cấp ngày 15/8/2018, Trữ lượng địa chất là 20.354.365 tấn. Mức sâu khai thác: -250m. Thời hạn Giấy phép khai thác đến năm 2028. Kết quả quản lý tài nguyên của Công ty năm 2023, cụ thể như sau:

Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai trong khai thác: 2.550.014 tấn.;

Tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác (được quy đổi từ khối lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo về trữ lượng khoáng sản địa chất): 2.249.749 tấn;

- Tỷ lệ tổn thất khoáng sản thực tế : 6,85 %

- Tỷ lệ làm nghèo khoáng sản thực tế: 17,82% (đá lẫn trong than nguyên khai).

- Hàm lượng trung bình thực tế của thành phần có ích trong kỳ báo cáo: 81,86% (Aktđc = 22,77%, hàm lượng trung bình thành phần có ích = 100%-17,82%=82,18%)

Tổng khối lượng khoáng sản thu hồi được sau tuyển tách/phân loại/làm giàu khoáng sản trong thời kỳ báo cáo: 2.278.322 tấn

- Hệ số thực thu trong quá trình tuyển tách/phân loại /làm giàu: 92,34%

- Tổng khối lượng khoáng sản địa chất còn lại đến hết 31/12/2023 là: 15.988.207

#### 4.3 Tiêu thụ năng lượng

##### a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tiêu thụ năng lượng năm 2023				Quy đổi (TOE)	Ghi chú
Điện	Dầu DO	Xăng	LPG		
(kwh)	(Lit)	(Lit)	( Tấn)		
20.510.436	22.156.792	41.143	4,14	22.638	

Trong năm 2023, Công ty hoàn thành việc kiểm toán năng lượng và tiến hành áp dụng các giải pháp tiết kiệm tiêu thụ năng lượng, nhiên liệu cụ thể như: Cải tạo nâng công suất TBA35/6KV. Quy hoạch lại hệ thống cung cấp điện giảm tổn thất điện năng; Thực hiện các giải pháp khống chế công suất, thời gian hoạt động trong giờ cao điểm của thiết bị điện công suất lớn. Điều tiết hệ thống chiếu sáng làm việc, bảo vệ, quạt, điều hoà... hợp

lý, tiết kiệm; Lắp thiết bị đóng cắt tự động hẹn giờ phù hợp theo mùa cho các hệ thống chiếu sáng công cộng, giao thông... kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về tiết kiệm điện của các đơn vị; Lắp đặt phần mềm và thiết bị cảm biến nhận dạng nhằm quản lý việc cung cấp và tiêu hao nhiên liệu của các thiết bị một cách hợp lý; Ứng dụng công nghệ thông tin, lắp đặt Hệ thống Camera giám sát để quản lý điều hành, nghiệm thu cung độ và kiểm soát các thiết bị, lắp đặt hệ thống định vị vệ tinh GPS, thiết bị theo dõi giám sát tiêu hao nhiên liệu cho các thiết bị Ô tô, máy khai thác tiêu thụ nhiên liệu trong Công ty.

**b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả :**

Điện năng tiêu thụ năm 2023 tổng tiêu thụ 20.510.436 kWh / kế hoạch là 22.093.995 kWh ,đạt 93% ( tiết kiệm là 1.583.559 kWh ).

Chi phí Nhiên liệu thực hiện năm 2023 là 417.099.000.000 đồng/kế hoạch 421.828.000.000 đồng (tiết kiệm 4.728.000.000 đồng)

**c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng( Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:**

\* Hợp lý hoá Hệ thống cung cấp điện, quy hoạch lại các khởi hành giảm chiều dài tuyến, cân đối phụ tải, tăng tiết diện dây dẫn hợp lý, thay thế các đường dây chất lượng xấu, nhiều mối nối giảm tổn thất điện năng. Quy hoạch, củng cố tốt các tuyến đường vận tải. Nâng cao chất lượng mặt đường, giảm độ dốc, độ cua rút ngắn cung độ vận chuyển cho các xe Ô tô vận tải.

\* Lựa chọn công suất sử dụng và vị trí đặt các trạm biến áp 6/0,4KV phù hợp, dồn ghép hợp lý phụ tải, hạn chế các máy biến áp 6/0,4KV vận hành non tải, đảm bảo hệ số công suất bù  $\cos\varphi > 0,9$ .

\* Lựa chọn động cơ Diêzel các thiết bị có công suất phù hợp với tải trọng. Thay thế các động cơ điện, làm việc non tải bằng các động cơ có công suất phù hợp, đặc biệt thiết bị khâu sàng tuyến, bơm nước...

\* Tăng cường làm tốt các chế độ bảo quản, BDKT các máy móc, thiết bị sử dụng điện, nhiên liệu đảm bảo sự trơn nhậy của hệ thống, tăng hiệu quả, hiệu suất làm việc của thiết bị, giảm tổn thất điện năng, nhiên liệu vô công. Kịp thời đưa thiết bị vào sửa chữa khi có dấu hiệu bất thường về hệ thống nhiên liệu.

\* Duy trì thực hiện việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng: Lắp các bóng compac, bóng LED... tiết kiệm điện thay cho các bóng sợi đốt công suất lớn, kiện toàn lại hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ và sinh hoạt tại các phòng ban công trường phân xưởng cho phù hợp đáp ứng yêu cầu sản xuất không lãng phí công suất. Tận dụng thông gió và ánh sáng tự nhiên khi thiết kế lắp đặt hệ thống điện sinh hoạt, khống chế điều hòa nhiệt độ hợp lý.

\* Duy trì hoạt động các công tơ đo đếm điện năng giám sát tiêu thụ điện tại hộ tiêu thụ điện và đồng hồ theo dõi nhiên liệu tại các thiết bị sử dụng nhiên liệu đảm bảo chính xác.

\* Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong công tác Tự động hóa -Tin học hóa trong sản xuất lắp đặt bổ xung các thiết bị điều khiển tự động, các thiết bị tiết kiệm điện, nhiên liệu duy trì hoạt động các thiết bị biến tần, khởi động mềm; cảm biến, phần mềm giám sát tiêu thụ nhiên liệu (Hệ thống GPS, Camera giám sát..) cho máy móc thiết bị khai thác và vận tải nhằm cải thiện điều kiện làm việc của thiết bị giảm tiêu hao năng lượng.

**4.4. Tiêu thụ nước**

a. Nguồn cung cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt cho CBCNV trong Công ty bao gồm nước mưa của Công ty cấp nước Quảng Ninh và nước ngầm tại giếng mạch lộ 01 HT.

- Nguồn cung cấp nước phục vụ cho công tác vệ sinh công nghiệp, tưới đường được lấy từ moong Bắc Bàng Danh và tận dụng nước sau khi xử lý tại 02 Trạm xử lý nước thải Hà Tu I, II.

- Lượng nước sử dụng: 1.065.625 m<sup>3</sup>. Trong đó:

+ Lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Công ty Cấp nước Quảng Ninh cung cấp: 4.814 m<sup>3</sup>

+ Lượng nước khai thác từ giếng mạch lộ Hà Tu 01: 271.134 m<sup>3</sup>

+ Lượng nước moong dùng để tưới đường: 686.213 m<sup>3</sup>

+ Lượng nước tận dụng sau xử lý phục vụ cho mục đích vệ sinh công nghiệp, tưới đường: 103.464 m<sup>3</sup>.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng

- Tỷ lệ % tái sử dụng nước 0,012%

#### **4.5. Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

#### **4.6. Chính sách liên quan tới người lao động:**

##### **a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2023 là 1.870 người; mức lương bình quân năm 2023 là 15.144trđ/người/tháng.

##### **b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động**

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ.

Thực hiện quỹ phúc lợi phục vụ cho CBCNV, hỗ trợ các đơn vị, tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của Công ty. Công tác chăm lo đời sống CBCNV luôn được chú trọng, kịp thời, CBCNV ổn định tinh thần, yên tâm sản xuất. Trong năm chi khen thưởng động viên các tập thể và các nhân có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh, thường thi đua; Chi các khoản mang tính chất phúc lợi cho CBCNV toàn công ty như: hỗ trợ tham quan nghỉ mát, hỗ trợ nhân các ngày lễ tết, kỷ niệm 3/8, 20/10, bồi dưỡng CBCN làm việc trên khai trường trong những ngày nắng nóng, tổ chức tặng quà cho con em cán bộ công nhân viên trong các dịp Tết trung thu, ngày Quốc tế Thiếu nhi. Trong dịp tết Nguyên đán 2023 và sau tết, Công ty đã chi bổ sung thêm tiền lương cho CBCNV.

##### **c. Hoạt động đào tạo người lao động**

Trong năm 2023, Công ty đã mở các lớp đào tạo người lao động nhằm đáp ứng nhân lực phục vụ cho nhu cầu sản xuất như: lớp Vận hành Khoan cho 12 học viên, lớp Vận hành xe nâng người 09 học viên; Cử CBCNV đi học tại Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin nhằm nâng cao kiến thức và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 133 lượt người; Tổ chức, phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra thử việc, bổ túc lái xe cho 173 công nhân.



#### **4.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD Công ty luôn chấp hành đúng các quy định pháp luật trong công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Thực hiện thu xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, nước thải công nghiệp phát sinh định kỳ trong quá trình sản xuất.

- Tổ chức quan trắc môi trường định kỳ 04 lần/ năm và thực hiện báo cáo định kỳ theo đúng yêu cầu của TKV và cơ quan Nhà nước;

- Tổ chức trồng cây cải tạo cảnh quan và phục hồi môi trường, đầu tư 09 hệ thống phun sương; 01 xe tưới đường đập bụi chuyên dụng công suất lớn; 02km hệ thống phun sương đập bụi; 02 hệ thống quan trắc đo mưa gió tự động; 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; 02 hệ thống quan trắc khai thác, sử dụng nước mặt, nước ngầm nhằm bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty.

- Tổ chức triển khai các công trình, biện pháp phòng chống sự cố môi trường theo Phương án bảo vệ môi trường tổng thể đã được TKV thông qua đảm bảo theo đúng tiến độ và kế hoạch Công ty đề ra.

**4.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có

## **II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2023, ban lãnh đạo điều hành Công ty đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Công ty đã tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, kết quả SXKD năm 2023 đã có lãi. Năm 2023, Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận. Công ty bảo toàn và phát triển được nguồn vốn sản xuất kinh doanh. Cụ thể như : Tổng tài sản tăng 40.980 triệu đồng tương đương tăng 2,61% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế tăng 3.624 triệu đồng tương đương tăng 4,19 % so với năm trước và tăng 116 % so với kế hoạch Tập đoàn giao. (Lợi nhuận kế hoạch TKV giao là 77.879 triệu đồng). Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2023 giảm 195.804 triệu đồng , tương đương tỷ lệ giảm là 4,31% so với năm trước. Công ty thực hiện đảm bảo an sinh xã hội, hài hòa lợi ích giữa Công ty đối với người lao động và cổ đông, đảm bảo cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông góp phần xây dựng công ty phát triển ổn định, bền vững.

### **2. Tình hình tài chính:**

#### **a. Tình hình tài sản:**

Giá trị tổng tài sản năm 2023 tăng so với năm 2022: 40.980 tr.đồng tăng 2,61%, trong đó: tài sản dài hạn tăng 119.188 tr.đồng, tài sản ngắn hạn giảm 78.208 tr.đồng. Tài sản dài hạn tăng do năm 2023 Công ty thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt để tăng năng lực sản xuất của Công ty. Tài sản ngắn hạn giảm do nợ phải thu giảm 45,95% chủ yếu là giảm nợ phải thu Tập đoàn tiền bán than. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,73 lần giảm 0,09 lần so với năm 2022 nhưng vẫn đảm bảo đạt kế hoạch TKV giao (TKV giao 0,72 lần). Trong năm 2023, Công ty sử dụng tài sản cố định hiệu quả, cơ cấu hợp lý. Công tác theo dõi trích khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

#### **b. Tình hình nợ phải trả:**

Trong năm 2023, Công ty thu xếp cân đối nguồn tiền thanh toán trả khách hàng, nộp các khoản nghĩa vụ ngân sách nhà nước, trả lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng

thời gian quy định. Năm 2023 khoản vay dài hạn giảm 16.233 tr.đồng so với năm 2022, do công ty thu xếp trả nợ trước hạn các khoản nợ đến hạn từ năm 2024 đến năm 2028. Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng so với năm 2022 là 7.302 tr.đồng. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 3,85 lần, Công ty thực hiện 3,09 lần giảm 0,76 lần.

**b. Tình hình nợ phải thu:**

Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Đơn vị thường xuyên tổ chức đối chiếu thu hồi công nợ, tiến hành phân loại nợ - trong Tập đoàn, ngoài tập đoàn để có biện pháp thu hồi dứt điểm công nợ. Công nợ phải thu của Công ty chủ yếu là phải thu ngắn hạn. Khoản nợ phải thu của Công ty cổ phần phát triển dự án Biển Đông công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi năm 2013. Đến 31/12/2023, Công ty thu hồi được 1.280 tr.đồng (Năm 2020 thu hồi được 200tr.đồng, năm 2021 thu hồi được 600 triệu đồng, năm 2022 Công ty thu hồi được 400 tr.đồng, năm 2023 Công ty tiếp tục thu hồi được 80 tr.đồng). Kế toán đã hạch toán hoàn nhập giá trị trích lập dự phòng; Đến thời điểm 31/12/2023, giá trị trích lập nợ phải thu khó đòi là: 2.953 triệu đồng.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Linh hoạt, chủ động trong công tác điều hành sản xuất: Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch thi đua lao động sản xuất 120 ngày đêm trong 6 tháng đầu năm 2023, bộ phận điều hành sản xuất đã thể hiện được tính linh hoạt, chủ động tính toán trình tự thi công để đảm bảo huy động bố trí hợp lý, kịp thời giải quyết các ách tắc để điều hành sản xuất đạt mục tiêu đề ra. Than NKKT đạt 1.309/1.080 ngàn tấn, bằng 121,2% KH 120 ngày đêm, trong đó: kỷ lục ra than NKKT khi hoàn thành 3 tháng liên tiếp than khai thác của Công ty đạt trên 300.000 tấn/tháng (tổng 3 tháng thực hiện đạt trên 1tr tấn), đã được Tập đoàn TKV biểu dương, ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực, quyết tâm hoàn thành của Công ty.

- Tập trung, đẩy mạnh công tác chế biến, tiêu thụ: Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của TKV, đặc biệt các chủng loại than phục vụ sản xuất điện. Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung đẩy mạnh sản xuất, chế biến, pha trộn, bám sát kế hoạch điều hành, cơ cấu, chủng loại than theo Kế hoạch giao, chuẩn bị tốt chân hàng đảm bảo chất lượng, số lượng, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp để đảm bảo chất lượng than, kịp thời báo cáo TKV bổ sung chỉ tiêu giao than NKST khi than sạch chất lượng cao đầu năm không tiêu thụ được. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với đơn vị Giám định than kiểm tra chân hàng đảm bảo chất lượng than giao cho đơn vị cuối nguồn (chất lượng, độ ẩm) và nêu cao tinh thần phòng chống gian lận thương mại trong công tác giao nhận. Qua đó, sản lượng tiêu thụ của Công ty đã đạt vượt tiến độ điều hành của TKV, sản lượng tiêu thụ đạt 2.786/2.684 ngàn tấn bằng 103,8% kế hoạch TKV giao.

- Tập trung công tác quản lý kỹ thuật công nghệ: Công ty đã bám sát các chỉ tiêu công nghệ được TKV giao để xây dựng phương án khai thác đảm bảo hiệu quả, định hướng khai thác cho từng giai đoạn, tập trung thiết bị mở rộng diện khai thác khu vực đáy moong để tạo diện ra than, quy hoạch các diện đổ thải đảm bảo các thiết bị hoạt động được hiệu quả và an toàn. Bên cạnh đó, bộ phận kỹ thuật đã xây dựng các phương án cải tạo hệ thống tầng khai thác, đặc biệt là thiết kế các tuyến đường vận chuyển tại khu vực moong đảm bảo độ dốc dọc, dốc ngang trong điều kiện tốc độ xuống moong rất lớn như hiện nay.

- Cải tiến công tác quản trị nội bộ, công tác quản trị chi phí, giá thành, cụ thể: (i) Xây dựng và ban hành chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí với các giải pháp và mục tiêu cụ thể tại Quyết định số 1577/QĐ-VHTC ngày 23/5/2023; triển khai giao khoán chi phí, nhiệm vụ cho các đồng chí Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban; (ii) Công ty đã kịp thời xem xét, đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của các

đơn vị thông qua văn bản trong quá trình triển khai thực hiện khoán; (iii) Giao kế hoạch sản lượng hàng tháng gắn với chi phí khoán của các đơn vị, hàng tháng tổng hợp, phân tích và nghiệm thu các chỉ tiêu giao khoán; (iv) định kỳ 15 ngày phân tích tình hình hoạt động tài chính, đánh giá các yếu tố tăng/giảm về chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, định mức tiêu hao vật tư, năng suất thiết bị, năng suất lao động để có biện pháp quản lý, tác động kịp thời đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết thúc năm 2023, lợi nhuận của Công ty thực hiện tăng 12,3 tỷ đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra; đồng thời tăng thêm được tiền lương cho người lao động so với kế hoạch Tập đoàn TKV giao.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục rà soát sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất cho phù hợp

- Đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị khai thác, nâng cao năng lực sàng tuyển, chế biến than.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Bắc Bàn Danh, đảm bảo kế hoạch khai thác hàng năm TKV giao; Tập trung công tác thăm dò, phát triển và mở rộng Dự án.

#### **5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

(Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

##### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

Tập trung xây dựng kế hoạch đảm bảo sát với thực tế, đưa ra các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ để kịp thời phát hiện các yếu tố có ảnh hưởng xấu đến môi trường để từ đó xây dựng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác quản lý chất thải nguy hại; nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất; thực hiện các phương án phục hồi cảnh quan môi trường các công trường phân xưởng theo đề án bảo vệ môi trường tổng thể của Công ty đảm bảo theo đúng chủ trương của TKV. Thực hiện chi phí môi trường (chuyển nguồn) đảm bảo theo đúng kế hoạch và tiến độ được duyệt.

Tập trung thực hiện đầu tư các thiết bị, công trình theo đề án môi trường tổng thể đã được TKV thông qua. Trong năm 2023 có 02 công trình/03 công trình được ký hợp đồng triển khai xây dựng với tổng giá trị 5.273 triệu đồng. Đã triển khai thực hiện phương án trồng rừng thay thế tại khu vực bãi thải Nam Lộ Phong theo đúng chủ trương của UBND tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tổng số 12,04 ha cây lát hoa; trồng 326 cây phong linh, 347 cây giáng hương và 366 cây lim xẹt tương đương 1,24 ha để tạo hình biểu tượng “Miền di sản” tại bãi thải Nam Lộ Phong và trồng 2,98 ha phi lao tại bãi thải Bắc Bàn Danh với tổng giá trị trên 5 tỷ đồng.

##### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Công ty luôn đảm bảo các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, độc hại, BHXH được thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước và pháp luật. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

##### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Xử lý kịp thời các tình huống gây nguy hại đến môi trường, Công tác môi trường đã được công ty chú trọng và đầu tư lớn để bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác. Công ty đã chi cho công tác bảo vệ môi trường tại Công ty là 36.386 triệu đồng.

Tập trung thực hiện đầu tư các thiết bị, công trình theo đề án môi trường tổng thể đã được TKV thông qua. Trong năm 2023 có 02 công trình/03 công trình được ký hợp đồng triển khai xây dựng với tổng giá trị 5.273 triệu đồng. Đã triển khai thực hiện phương án trồng rừng thay thế tại khu vực bãi thải Nam Lộ Phong theo đúng chủ trương của UBND tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tổng số 12,04 ha cây lát hoa; trồng 326 cây phong linh, 347 cây giáng hương và 366 cây lim xẹt tương đương 1,24 ha để tạo hình biểu tượng “Miền di sản” tại bãi thải Nam Lộ Phong và trồng 2,98 ha phi lao tại bãi thải Bắc Bàng Danh với tổng giá trị trên 5 tỷ đồng.

### **III. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Trong năm 2023, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp và nhận được sự đồng thuận, nỗ lực phấn đấu, tinh thần Kỷ luật và Đồng tâm của toàn thể công nhân, cán bộ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch ở mức cao nhất để ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Qua đó, Các chỉ tiêu SXKD năm 2023 của Công ty đều hoàn thành vượt so tiến độ kế hoạch ĐHĐCĐ đã thông qua

#### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

- Trong năm 2023, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn TKV, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

- Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều giải pháp thiết thực nhằm thực hiện các mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023; Ban giám đốc đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động, công tác đầu tư, xây dựng, ban hành sửa đổi bổ sung các quy chế phù hợp với các quy định hiện hành.

- Về công tác quản trị chi phí: Công ty đã tổ chức khoán chi phí theo năm và theo quý đến các Công trường, Phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải, nhằm tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chi phí ngày một chặt chẽ, tăng hiệu quả huy động sử dụng máy móc thiết bị.

- Công tác Đầu tư XD/CB có trọng tâm, trọng điểm nhằm tiết kiệm đầu tư và phát huy hiệu quả đầu tư. Công tác Đầu tư xây dựng của Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quy chế quản lý đầu tư của Công ty.

- Công tác an toàn, bảo vệ an ninh trật tự, quản lý tài nguyên ranh giới mỏ: Tình hình ANTT trong năm 2023 được tiếp tục duy trì ổn định. Công ty đã xây dựng phương án bảo vệ, xây dựng Quy trình xử lý vụ việc vi phạm tài nguyên ranh giới Mỏ và các văn bản tiếp tục tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ tài sản, tài nguyên ranh giới Mỏ.

- Thực hiện mối quan hệ công tác với các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác: Trong năm 2023 ban Giám đốc đã thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty. Sự phối kết hợp đó thể hiện bằng các Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc - Công đoàn, Giám

đốc - Đoàn thanh niên, Giám đốc – Hội Cựu chiến binh và các văn bản phối hợp của Đảng ủy với chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

### 3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số định hướng chỉ đạo chủ yếu như sau :

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty. Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm. Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành thực hiện giữ vững an toàn, an ninh trật tự trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí; Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn, đặc biệt là phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than. Sử dụng các sản phẩm dịch vụ của địa phương trên nguyên tắc chất lượng tiến độ và giá cả cạnh tranh.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, đoàn thể đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng cần thiết để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, nhằm phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty.

## IV. Quản trị Công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu, không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện phần vốn TKV	03/3/2020	23/8/2023
2	Ngô Thế Phiệt	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện phần vốn TKV	23/8/2023	-
3	Nguyễn Quang Quảng	TV HĐQT, Q Giám đốc	28/3/2019	-
4	Nguyễn Việt Thanh	TV HĐQT, BTĐU	12/4/2017	-
5	Đặng Văn Tĩnh	TV HĐQT, CTCD	25/4/2022	-
6	Phạm Thị Hải	Thành viên độc lập HĐQT	25/4/2022	-

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý của Công ty. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

**b. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:**

Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

**c. Hoạt động của HĐQT:**

HĐQT đã duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, quý đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý điều hành.

Năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp 39 phiên họp, ban hành 39 Nghị quyết và 51 Quyết định với các nội dung chủ yếu: Ban hành sửa đổi bổ sung các quy chế quản lý, công tác đầu tư, công tác cán bộ,...HĐQT đã chú trọng nâng cao các mặt hoạt động, tăng cường công tác quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt cho SXKD của Công ty.

**d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:**

Thành viên độc lập HĐQT được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu và hoạt động từ ngày 25 tháng 4 năm 2022; Năm 2023 đã tham dự 39 cuộc họp HĐQT đạt 100% tổng số các cuộc họp HĐQT trong năm. Thành viên độc lập hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo chất lượng, trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong quá trình hoạt động, Thành viên độc lập HĐQT đã phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các Cổ đông. Thành viên độc lập HĐQT không bị can thiệp bởi các thành viên HĐQT, các cá nhân tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Thành viên độc lập đã trực tiếp làm việc, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ Công nhân viên có liên quan để tiếp cận các thông tin phục vụ hoạt động của mình đồng thời trao đổi, thảo luận, góp ý kiến những vấn đề phát sinh, vướng mắc, góp phần duy trì ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phụ cấp Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện năm 2023 đạt 262.800.000đ.

**e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ của Tập đoàn và các Công ty con tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn TKV nhằm bổ sung và nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động SXKD của Công ty như: (i) “Hội nghị lưu ý về các sai phạm liên quan đến tính tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết” do Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) phối hợp tổ chức. (ii) Tham dự Lớp Tập huấn công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông cho các Công ty Cổ phần trong Tập đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam.

**2. Ban Kiểm soát:**

**a. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát (BKS):**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà : Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng BKS	26/4/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông : Ngô Duy Đà	TV BKS	25/4/2022	Kỹ sư khai thác mỏ
3	Bà : Phạm Thị Lan Hương	TV BKS	25/4/2016	Cử nhân kế toán, kiểm toán, Cử nhân Luật

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2023 Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành họp 04 cuộc: Cuộc họp lần thứ nhất tiến hành vào ngày 27/3/2023 để thống nhất các nội dung báo cáo của ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023, kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên ban kiểm soát năm 2022, Các cuộc họp tiếp theo được thực hiện tại kỳ kiểm soát các hoạt động quản lý của Công ty, thống nhất các nội dung biên bản kiểm soát Quý II/2023 và soát xét các hoạt động của Công ty năm 2023, Kế hoạch kiểm soát Quý III/2023, Quý IV năm 2023.

- Năm 2023, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Trong kỳ Ban kiểm soát công ty họp 05 phiên để thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm.

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT, kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng quản trị trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, của Giám đốc trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của Công ty:

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

- Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro đều được BKS trao đổi trực tiếp, và/hoặc ghi nhận trong biên bản làm việc, thông báo để đơn vị xử lý và phòng ngừa góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)		Phụ cấp (đồng)	
			Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>219.360.000</b>	<b>219.360.000</b>	<b>262.800.000</b>	<b>262.800.000</b>
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch	61.680.000	41.120.000		
2	Ngô Thế Phiệt	Chủ tịch		20.560.000		
3	Nguyễn Việt Thanh	TV-HĐQT	52.560.000	52.560.000		
4	Đặng Văn Tĩnh	TV-HĐQT	52.560.000	52.560.000		
5	Nguyễn Quang Quảng	TV-HĐQT	52.560.000	52.560.000		
6	Phạm Thị Hải	TV độc lập HĐQT			262.800.000	262.800.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>160.080.000</b>	<b>160.080.000</b>		
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng BKS	54.960.000	54.960.000		
2	Ngô Duy Đà	Thành viên	52.560.000	52.560.000		
3	Phạm Thị Lan Hương	Thành viên	52.560.000	52.560.000		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>379.440.000</b>	<b>379.440.000</b>	<b>262.800.000</b>	<b>262.800.000</b>

\* Số tiền chi trả cho từng cá nhân được xác định theo thời gian giữ chức vụ trong năm 2023, cụ thể như sau:

- Đồng chí Trần Thế Thành - Chủ tịch HĐQT từ tháng 01/2023 đến hết tháng 8/2023, quỹ thù lao được quyết toán 08 tháng.

- Đồng chí Ngô Thế Phiệt - Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2023 đến hết tháng 12/2023, quỹ thù lao được quyết toán 04 tháng.

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có**

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Phụ lục số 2 kèm theo**

**d. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Trong năm 2023 Công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính “Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán”.

**V. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán:** (Tại báo cáo kiểm toán độc lập số 130324.001/BCTC.QN ngày 13/3/2024 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):

“Theo ý kiến của chúng tôi. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã thực hiện công bố thông tin và gửi báo cáo tài chính đã kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo



đúng quy định. Đồng thời Công ty đã đăng tải Báo cáo tài chính 2023 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: [www.hatucoal.vn](http://www.hatucoal.vn) ở mục "Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính".

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

*Đơn vị tính: VNĐ*

TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A/TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>694.950.547.867</b>	<b>773.158.210.886</b>
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.233.819.553	5.405.916.906
2- Các khoản Đầu tư t/chính ngắn hạn		
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	201.100.633.986	372.024.669.682
4- Hàng tồn kho	395.195.876.605	348.510.808.703
5- Tài sản ngắn hạn khác	93.420.217.723	47.216.815.595
<b>II - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>916.920.003.141</b>	<b>797.732.229.671</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	94.386.525.696	99.811.419.854
2. Tài sản cố định	737.699.501.089	592.155.882.342
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.123.893.516	51.349.881.235
4. Tài sản dài hạn khác	83.710.082.840	54.415.046.240
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.611.870.551.008</b>	<b>1.570.890.440.557</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>III - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.208.609.606.880</b>	<b>1.217.540.448.832</b>
1. Nợ ngắn hạn	954.897.380.485	947.595.086.610
2. Nợ dài hạn	253.712.226.395	269.945.362.222
<b>IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>403.260.944.128</b>	<b>353.349.991.725</b>
1. Vốn chủ sở hữu	403.260.944.128	353.349.991.725
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	245.690.520.000	245.690.520.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-46.818.182	-46.818.182
- Vốn khác của chủ sở hữu	569.137.076	569.137.076
- Quỹ đầu tư phát triển	38.569.843.947	38.569.843.947
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	118.478.261.287	68.567.308.884
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí đó hình thành TSCĐ		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.611.870.551.008</b>	<b>1.570.890.440.557</b>

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.344.213.085.100	4.540.017.540.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần	4.344.213.085.100	4.540.017.540.852
4. Giá vốn hàng bán	4.138.281.681.749	4.336.756.406.816
5. Lợi nhuận gộp	205.931.403.351	203.261.134.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.776.820.475	2.859.949.878
7. Chi phí tài chính	11.626.337.043	32.716.227.639
- Trong đó: Chi phí lãi vay	11.626.337.043	32.716.227.639
8. Chi phí bán hàng	11.159.909.644	9.268.424.285
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.656.045.495	77.926.181.940
10. LN thuần từ HĐKD	86.265.931.644	86.210.250.050
11. Thu nhập khác	9.016.968.320	3.531.755.391
12. Chi phí khác	5.109.011.310	3.192.604.771
13. Lợi nhuận khác	3.907.957.010	339.150.620
14. Tổng LN kế toán trước thuế	90.173.888.654	86.549.400.670
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.081.971.579	34.306.323.313
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-14.263.313.551	-16.324.231.527
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	71.355.230.626	68.567.308.884
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.904	2.791

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PPGT)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	90.173.888.654	86.549.400.670
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	317.470.881.476	432.664.778.840
- Các khoản dự phòng	03	-80.000.000	-11.852.517.304
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-3.572.399.022	-243.777.928
- Chi phí lãi vay	06	11.626.337.043	32.716.227.639
- Các khoản điều chỉnh khác	07	2.015.694.562	0
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>417.634.402.713</b>	<b>539.834.111.917</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	125.454.446.043	-187.623.208.754
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-46.685.067.902	22.871.432.828
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.556.085.234	59.307.982.014
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-10.260.641.366	27.315.828.309
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	0	
- Tiền lãi vay đã trả	14	-11.499.486.576	-32.702.207.933
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-41.968.971.583	-28.137.932.557
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-24.679.257.217	-23.142.695.879
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>419.551.509.346</b>	<b>377.723.309.945</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	414.804.207.066	-138.674.426.591
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	3.372.026.081	64.597.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	200.372.941	179.180.328
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>411.231.808.044</b>	<b>-138.430.648.663</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	584.440.368.770	871.104.541.567
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	575.659.057.505	-1.082.039.342.119
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-17.273.109.920	-29.381.261.010
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-8.491.798.655</b>	<b>-240.316.061.562</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>-172.097.353</b>	<b>-1.023.400.280</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.405.916.906	6.429.317.186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.233.819.553</b>	<b>5.405.916.906</b>

Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT, UBCKNN(Qua CIMS, b/c);
- Các TV HĐQT, BKS(e-copy);
- Ban Giám đốc(e-copy);
- Phòng CV đăng Website (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
Q.GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Quảng**



**Phụ lục số 01**  
**TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**  
 (Kèm theo Báo cáo số 981/BC-VHTC, ngày 09/4/2024)

**1. Lý lịch của Quyền Giám đốc điều hành Nguyễn Quang Quảng**

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG QUẢNG
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CCCD: 027080000565, cấp ngày: 16/6/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nơi sinh: Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh. .
- Địa chỉ thường trú: P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0904606757; Email: Quangnq@vinacomin.vn
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý
- Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):
  - + Từ 9/1998÷7/2002 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
  - + Từ 8/2002÷12/2002 Nhân viên phòng Kế hoạch, Phân xưởng Lộ Thiên - Xi nghiệp Than Bình Minh thuộc Công ty Than Quảng Ninh
  - + Từ 1/2003÷8/2007 Nhân viên phòng Kế hoạch - Công ty than Hạ Long.
  - + Từ 8/2007÷5/2008 Phó phòng Kế hoạch vật tư - Công ty than Hạ Long.
  - + Từ 6/2008÷6/2011 Chuyên viên Ban Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
  - + Từ 7/2011 ÷ 02/2018 Phó Ban Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
  - + Từ 3/2018 ÷ 01/2020 Phó giám đốc - Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin
  - + Từ tháng 01/2020 đến nay Quyền Giám đốc Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Quyền giám đốc - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần;  
 + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

**2. Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Quốc Toàn.**

- Họ và tên: TRẦN QUỐC TOÀN
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CCCD: 022078003435; Ngày cấp: 21/4/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày tháng năm sinh: 06/11/1978;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.

- Quê quán: Xã Cương Chính, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Khu 10, Phường Hồng Hải - Hạ Long - Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0916549666; Email: Toandksx@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ; Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (Từ 18 tuổi đến nay):
- + Từ 9/1996÷6/2001 Sinh viên - Trường Đại học Mỏ địa chất;
- + Từ 11/2001÷10/2004 Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Than Hà Tu;
- + Từ 11/2004÷5/2009 Phó Quản đốc Công trường - Công ty Than Hà Tu;
- + Từ 5/2009÷3/2011 Phó phòng Điều khiển sản xuất - Công ty Than Hà Tu;
- + Từ 4/2011÷01/2018 Tr. Phòng Điều khiển sản xuất - Công ty Than Hà Tu;
- + Từ 02/2018 đến nay Phó Giám đốc - Công ty CP Than Hà Tu.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

+ Phó giám đốc - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UV BTV Đảng uỷ Công ty, UV BTV

Công đoàn Công ty

- Số cổ phần đang nắm giữ:

0 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

### 3. Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Trọng Hiếu

- Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu

Giới tính:  nam  nữ

- Số CCCD: 022068000375, Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975;

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Dân tộc: Kinh.

- Quê quán: Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, Thành Phố Hải Phòng.

- Địa chỉ thường trú: Tổ 2 - Khu 5 - P. Trần Hưng Đạo - Hạ Long - Quảng Ninh;

Điện thoại: 0912155666.

- Số điện thoại liên lạc: 0912155666

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: 1. Kỹ sư Cơ điện;

- Quá trình công tác:

+ Từ 3/1986 ÷ 12/1996 thợ điện Đường dây Công trường Đường Dây- Mỏ Than Hà Tu;

+ Từ 1/1997 ÷ 11/1999 Đốc công - Công trường Đường Dây - Mỏ Than Hà Tu;

+ Từ 12/1999 ÷ 8/2001 Phó quản đốc CT Đường Dây - Công ty Than Hà Tu;

+ Từ 8/2001 ÷ 2/2003 Phó phòng Cơ Điện - Công ty Than Hà Tu;

+ Từ 4/2010 ÷ 6/2021 Trưởng phòng Cơ Điện - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin;

+ Từ 6/2021 ÷ 24/7/2023 Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải - Công ty CP Than Hà Tu;

+ Từ 25/7/2023 ÷ đến nay Phó giám đốc - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin;



- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty, UV BTV Công đoàn Công ty
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần;
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

#### 4. Lý lịch của Phó Giám đốc Lam Anh Tuấn

- Họ và tên: LAM ANH TUẤN
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CCCD: 022080002597, Ngày cấp: 10/5/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 9 năm 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Sán diu
- Quê quán: Hà phong - Hòn Gai - Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 28 khu 3, P. Hà Phong, Tp Hạ Long, Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0912.659.433
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:
  - + Từ 12/2002 ÷ 12/2005: Nhân viên phòng kỹ thuật mỏ - Công ty Than Hà Tu
  - + Từ 12/2005 ÷ 2/2008: Phó Phòng Kỹ thuật mỏ - Công ty Than Hà Tu
  - + Từ 2/2008 ÷ 6/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật mỏ - Công ty CP Than Hà Tu.
  - + Từ 6/2011 ÷ 6/2012: Phó BQL Công trường khai thác Bau xít Tân Rai - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Từ 7/2012 ÷ 10/2012 Quản đốc Công trường than 2 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Từ 10/2012 ÷ 3/2016: Quản đốc Công trường Vía 7&8 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Từ 3/2016 - 3/ 2017: Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư Môi trường - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Từ 3/2017 - 2/2019: Trưởng phòng Đầu tư Môi trường - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Từ 2/2019 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:
  - Phó Giám đốc Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UV BCH Đảng bộ Công ty.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**5. Lý lịch của Kế toán trưởng Hà Thị Diệp Anh.**

- Họ và tên: HÀ THỊ DIỆP ANH
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CCCD: 022172003608, ngày cấp: 16/04/2023; Nơi cấp: Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 29/7/1972
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Thụy -Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Mỹ gia 3-25 khu đô thị Vinhomes Hạ Long – Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0915512855
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - + Từ 10/1991÷8/1992 Lao động công trường than 3-Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 9/1992÷10/1999 nhân viên thống kê đội xe 10-Mỏ Than Hà tu;
  - + Từ 11/1999÷1/2006 Nhân viên phòng kế toán thống kê - Công ty CP Than Hà Tu;
  - + Từ 2/2006÷11/2014 Phó phòng Kế toán thống kê - Công ty CP than Hà tu;
  - + Từ 11/2014 đến nay Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế Toán Trưởng;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:Không;
- Số cổ phần đang nắm giữ: 50.000 cp;
- Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 50.000 cp;
  - + Đại diện sở hữu phân vốn nhà nước: Không;
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tu;



## PHỤ LỤC SỐ 02

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &  
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH  
VIÊN BKS ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS**

(Kèm theo Báo cáo số **981/BC-VHTC**, ngày **08/4/2024**)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/H ĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Bao gồm đơn vị trực thuộc như: Công ty Tuyển Than Hòn Gai; Công ty Kho vận Cẩm Phả; Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV)	Cổ đông lớn TKV nắm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty	Mã số DN: 5700100256 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 01/NQ-ĐHĐCĐ Ngày 08/5/2023	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất. Hợp đồng mua bán than năm 2023 đạt 5,1 nghìn tỷ đồng
2	Công ty Cổ phần Vật tư – TKV( Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai)	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700100707 25/06/2010; Sở KH&ĐT Quảng Ninh.	Tổ 1, khu 2, P. Hồng Hà Hạ Long, Quảng Ninh	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 26/NQ-VHTC ngày 17/01/2023	HĐ nguyên tắc mua bán nhiên liệu thực hiện năm 2023 là 415,6 tỷ đồng; Mua, bán vật tư dầu nhờn, mỡ máy, tổng giá trị 23,1 tỷ đồng;
3	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Có cùng CT HĐQT, TV BKS	Mã số DN: 0100101298 01/11/2004; Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Cầu Giấy, HN	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 26/NQ-VHTC ngày 17/01/2023	Phục vụ bữa ăn CN trong 03 năm 100,2 tỷ đồng. Mua lớp, vật liệu là 14,2 tỷ đồng
4	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp- Vinacomin	Chủ tịch HĐQT THPT là Chủ tịch HĐQT của Công ty	MST: 0500237543	565 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 58/NQ-VHTC ngày 06/10/2023	(Chi nhánh CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp- Vinacomin, Xí nghiệp Thương mại và dịch vụ tổng hợp và xây dựng. Hợp đồng mua vật tư năm 2023 là 1 tỷ đồng);